

Bản án số: **101/2018/DS-PT**
Ngày: 02 - 7 - 2018
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản
theo di chúc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Nguyễn Xuân Điền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 2 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128 /2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản theo di chúc*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

2.1. Bà **Hà Thị T**, sinh năm 1937; Địa chỉ: 28 Đường O, tổ 61, phường T1, quận H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

3.2. Bà **Hà Thị H**, sinh năm 1950; Địa chỉ: 320 Đường H, tổ 36, phường T2, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Hà Văn T1**, sinh năm 1956; Địa chỉ: Phòng 307, Khu chung cư 5, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2.2. Ông **Hà Văn H1**, sinh năm 1967; Địa chỉ: K206/41A Đường Đ, tổ 6, phường T, quận H, Đà Nẵng (có mặt).

2.3. Ông **Hà Văn R**, sinh năm 1942; Địa chỉ: K206/43D Đường Đ, tổ 6, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Hà Thị S**, sinh năm 1946; Địa chỉ: CA 91722, USA (vắng mặt).

3.2. Ông **Hà Văn H2**, sinh năm 1947; Địa chỉ: CA 91792, USA (vắng mặt).

3.3. Ông **Hà Văn T2**, sinh năm 1956; Địa chỉ: California , USA (vắng mặt).

3.4. Bà **Hà Thị T3**, sinh năm 1950; Địa chỉ: K186/H37/5 đường Đ1, tổ 94, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

3.5. Bà **Hà Thị H3**, sinh năm 1961; Địa chỉ: 66 đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

3.6. Bà **Hà Thị P**, sinh năm 1958; Địa chỉ: K206/41B Đường Đ, tổ 6, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn, ông **Hà Văn T1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hà Thị T trình bày:

Cha của bà là cụ ông Hà Văn Đ, sinh năm 1909 (chết năm 1986), có 3 người vợ gồm:

Vợ thứ nhất là cụ bà Trần Thị L, sinh năm 1913 (chết năm 2010), cụ L chung sống với cụ Đ từ năm 1930, có giấy chứng nhận kết hôn. Cụ Đ và cụ L có với nhau 04 người con gồm: bà Hà Thị T, sinh năm 1937; bà Hà Thị S, sinh năm 1946; ông Hà Văn H2, sinh năm 1947 và bà Hà Thị H, sinh năm 1950.

Vợ thứ hai là cụ bà Lê Thị T4, sinh năm 1914 (chết năm 2001), cụ T4 chung sống với cụ Đ vào thời gian nào thì bà không nhớ. Cụ Đ và cụ T4 có với nhau 01 người con là ông Hà Văn T2, sinh năm 1956. Ngoài ra, cụ Đ, cụ T4 có một người con nuôi là ông Hà Văn R, sinh năm 1942.

Vợ thứ ba là cụ bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1923 (chết năm 2008), cụ M chung sống với cụ Đ vào thời gian nào thì bà không nhớ. Cụ Đ và cụ M có với nhau 07 người con gồm: bà Hà Thị T3, sinh năm 1950; ông Hà Văn L1 (tức là Hà Minh T5), sinh năm 1953, chết năm 1998 (không có vợ con); ông Hà Văn T1, sinh năm 1956; ông Hà Văn L2, sinh năm 1956, chết thời gian nào thì bà không nhớ (không có vợ con); bà Hà Thị H3, sinh năm 1961; bà Hà Thị P, sinh năm 1958; ông Hà Văn H1, sinh năm 1967.

Nguyên trước đây, cụ Đ tạo lập được khuôn viên đất rất rộng (không nhớ rõ bao nhiêu). Trong thời gian chung sống thì cụ L, cụ T4 ở nhà trước, còn cụ M thì ở nhà phía sau cạnh khu vườn không nằm trong phần diện tích đất tranh

chấp. Đến năm 1977, cụ T4 đi sang Pháp định cư, sau đó sang Mỹ ở cùng với ông T2 và năm 2001 cụ T4 chết tại Mỹ.

Năm 1985, cụ Đ và cụ L được Sở nhà đất và công trình công cộng Quảng Nam - Đà Nẵng cấp trích lục Sổ nghiệp chủ nhà ở đối với ngôi nhà tại 104/37 (nay là K206/43) đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng với diện tích xây dựng là 153m². Từ năm 1986 đến năm 1992 cụ Đ và cụ L đã tặng cho nhà đất cho các con và chuyển nhượng nhà đất cho nhiều người khác. Đến năm 2001 cụ L làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401050516 ngày 13/3/2001 với diện tích xây dựng 63,7m², diện tích đất ở 153,10m² thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 29 tại K206/43 đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng

Ngày 29/01/1999, cụ L đã lập di chúc để lại ½ ngôi nhà có diện tích 31,85m², ½ diện tích đất là 76,55m² và một phần di sản thừa kế mà cụ L được hưởng từ cụ Đ cho bà và bà H tại Phòng Công chứng Nhà nước số X thành phố Đà Nẵng. Thời điểm mẹ bà lập di chúc thì sức khỏe của cụ vẫn tốt, tinh thần minh mẫn, tuy đôi lúc có bị suyễn.

Về kết quả thẩm định giá nhà đất tranh chấp do Công ty cổ phần thẩm định giá B chi nhánh Đà Nẵng là 2.509.029.275đ, bà đồng ý với kết quả định giá này.

Nay bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản là nhà đất tại K206/43 đường Đ, phường T, quận H, TP Đà Nẵng theo di chúc mà cụ L đã lập ngày 29/01/1999. Bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà và bà Hà Thị H được nhận bằng hiện vật.

Nguyên đơn bà Hà Thị H thống nhất với toàn bộ ý kiến về nội dung khởi kiện của bà Hà Thị T đã trình bày và đề nghị Tòa án xem xét chia thừa kế nhà đất nêu trên cho bà và bà T theo di chúc mà mẹ bà đã lập ngày 29/01/1999.

Bị đơn ông Hà Văn T1 trình bày:

Ông thống nhất về thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày là đúng. Còn về di sản thừa kế ông cho rằng nhà và đất tại 104/37 (nay là K206/43) đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng với diện tích xây dựng 63,7m², diện tích đất ở 153,10m² thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 29 là tài sản chung của cụ ông Hà Văn Đ, cụ bà Trần Thị L, cụ bà Lê Thị T4 và cụ bà Nguyễn Thị M cùng tạo lập, chứ không phải của riêng hai cụ Đ và cụ L. Bởi vì các cụ đều chung sống trên cùng ngôi nhà và đất đang tranh chấp nêu trên nhưng khi đứng tên thì chỉ có cụ Đ và cụ L (vợ đầu tiên của cụ Đ) đứng tên đại diện trên giấy tờ.

Năm 1946, cụ Đ và cụ L, cụ T4 và cụ M tạo lập nhà tranh, vách đất trên diện tích đất khoảng 500m², đến năm 1948 thì xây dựng lại nhà cấp 4 và hiện trạng được giữ nguyên từ đó cho đến nay.

Đối với di chúc của cụ L lập là không có cơ sở, bởi vì thời điểm lập di chúc không có mặt các anh chị em ông, đồng thời vào thời điểm lập di chúc thì cụ L đã già yếu, bị lãng, thường hay nằm viện, đi lại khó khăn, tinh thần không còn minh mẫn, bị hen suyễn nên việc lập di chúc là không đúng. Trong khi cha của ông là cụ Đ có 3 người vợ cùng sinh sống trên phần đất đó nên việc cụ L quyết định lập di chúc để lại tài sản thừa kế cho bà T, bà H là không đúng pháp luật. Ông xác nhận tại thời điểm cụ Đ còn sống thì cụ đã tặng cho các con gồm Hà Thị T, Hà Văn H2, Hà Văn R, Hà Văn T1, Hà Thị H, Hà Văn H1, Hà Thị H3 và Hà Thị P mỗi người một phần nhà đất, có người đang ở và có người đã chuyển nhượng cho người khác nên hiện nay diện tích đất chỉ còn lại là 153,10m².

Về kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá B, chi nhánh Đà Nẵng thì ông không có ý kiến gì.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không chấp nhận. Nguyên vọng của ông và các anh chị em của ông là không chia thừa kế mà để nhà đất tranh chấp này làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên. Ông đề nghị Tòa án xem xét cho hợp lý.

Bị đơn ông Hà Văn H1 trình bày:

Ông thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của ông Hà Văn T1 và không có ý kiến bổ sung gì. Nguyên vọng của ông là để nhà đất tranh chấp này làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên theo di nguyện của cha ông lúc còn sống.

Bị đơn ông Hà Văn R trình bày:

Ông thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của ông Hà Văn T1. Ông không đồng ý với di chúc của cụ bà Trần Thị L lập để lại tài sản thừa kế là ½ nhà đất tại K206/43 đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cho bà Hà Thị T và bà Hà Thị H, vì nhà đất tranh chấp có công đóng góp của cả cha ông và 3 bà mẹ chứ không phải của một mình mẹ Trần Thị L. Ngoài ra, lúc lập di chúc mẹ Trần Thị L đau nặng và bị bệnh suyễn nặng nên tinh thần không còn minh mẫn. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T và bà H. Ông đề nghị để nhà đất của cha mẹ làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H3, bà Hà Thị T3, bà Hà Thị P cùng thống nhất trình bày:

Các bà thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của ông Hà Văn T1 và không có ý kiến bổ sung gì. Nguyên vọng của anh chị em các bà là để nhà đất tranh chấp này làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên theo di nguyện của cha các bà lúc còn sống.

Tại Giấy ủy nhiệm toàn quyền nhà đất ngày 31/12/2014 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T2 có nội dung:

Nguyên khi cha mẹ ông mất có để lại một ngôi nhà tọa lạc tại địa chỉ: 104/37 đường Đ, phường T, TP Đà Nẵng, Việt Nam. Diện tích nhà 61,4m²; diện tích đất 84m² (địa chỉ mới K206/43 Đường Đ). Nay ông xin đồng thuận với anh chị em trong gia đình chuyển chủ quyền căn nhà nói trên cho hai người chị của ông: chị cả ông là Hà Thị T, sinh năm 1937; hiện thường trú tại 28 Đường O, phường T1, quận H, Đà Nẵng, Việt Nam và chị thứ của ông là Hà Thị H, sinh năm 1950; hiện thường trú tại 320 Đường H, Đà Nẵng, Việt Nam được quyền quyết định tùy nghi.

Tại Giấy ủy nhiệm toàn quyền ngày 27/10/2014 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn H2, bà Hà Thị S cùng có nội dung:

Nguyên cha mẹ ông, bà là Hà Văn Đ, sinh năm 1909 và Trần Thị L, sinh năm 1913 trước khi qua đời có để lại một căn nhà tại số K206/43 đường Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vì lý do sống xa Việt Nam nên ông, bà xin được phép ủy nhiệm toàn quyền cho chị và em gái là Hà Thị T, sinh năm 1937; hiện thường trú tại 28 Đường O, phường T1, quận H, Đà Nẵng, Việt Nam và Hà Thị H, sinh năm 1950; hiện thường trú tại 320 Đường H, Đà Nẵng, Việt Nam được quyền đồng xử lý mọi vấn đề liên quan đến pháp lý như bảo quản, thuê mướm, mua bán, chuyển nhượng, tố tụng liên quan đến căn nhà kể trên. Mọi quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ căn nhà đó sẽ do chị Hà Thị T và em Hà Thị H toàn quyền đảm trách và thụ hưởng.

Với nội dung trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ: Điều 655 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 645, 652, 653, 658, 667 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 34, 147, 165, 166, 227, 229, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T và bà Hà Thị H về việc chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Trần Thị L.

1. Công nhận di chúc lập ngày 29/01/1999 của cụ Trần Thị L được Phòng công chứng nhà nước số X thành phố Đà Nẵng chứng nhận là hợp pháp.

2. Bà Hà Thị T và bà Hà Thị H được hưởng kỹ phần thừa kế theo di chúc của cụ Trần Thị L có giá trị là: 1.254.514.637đ.

3. Giao hiện vật như sau:

Bà Hà Thị T và bà Hà Thị H được nhận thừa kế một phần nhà và đất thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 29, tại K206/43 Đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401050516 được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/3/2001. Cụ thể nhà có cấu trúc tường xây, mái lợp tole, nền gạch men, diện tích xây

dựng 34,91m² tọa lạc trên diện tích đất 70,02m². Trị giá nhà và đất là 1.192.185.479đ.

Nhà và đất có tứ cận như sau:

-Đông giáp nhà đất bà Trần Thị Thanh P1 dài 7,95m; 9,44m;

-Tây giáp nhà đất giao cho các đồng thừa kế của cụ Đ dài 10,17m; 5,91m; 1,34m;

-Nam giáp đường kiệt dài 3,02m; 2,15m; 0,11m; 1,1m;

-Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn M1 dài 1,83m; 3,82m;

(có sơ đồ kèm theo).

4. Các đồng thừa kế của cụ Hà Văn Đ gồm: Bà Hà Thị T, bà Hà Thị S, ông Hà Văn H2, bà Hà Thị H, ông Hà Văn T2, ông Hà Văn R, bà Hà Thị T3; ông Hà Văn T1, bà Hà Thị H3, bà Hà Thị P, ông Hà Văn H1 được quyền quản lý di sản của cụ Đ là: một phần nhà và đất thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 29, tại K206/43 Đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401050516 được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/3/2001. Cụ thể nhà có cấu trúc tường xây, mái lợp tole, nền gạch men, diện tích xây dựng 28,79m² tọa lạc trên diện tích đất 83,08m². Trị giá nhà và đất là 1.316.843.796đ.

Nhà và đất có tứ cận như sau:

-Đông giáp nhà bà T, bà H nhận thừa kế dài 10,17m; 5,91m; 1,34m;

-Tây giáp đường kiệt dài 10,24m; 5,95m; 1,46m;

-Nam giáp đường kiệt dài 4,37m;

-Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn M1 dài 4,89m;

(có sơ đồ kèm theo).

5. Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, bị đơn ông Hà Văn T1 kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Hà Văn T1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự,

các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hà Văn T1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Cụ ông Hà Văn Đ, sinh năm 1909 (chết năm 1986), chung sống như vợ chồng với 03 người cụ thể:

Cụ bà Trần Thị L, sinh năm 1913 (chết năm 2010), cụ L chung sống với cụ Đ từ năm 1930, có giấy chứng nhận kết hôn. Cụ Đ và cụ L có với nhau 04 người con gồm: bà Hà Thị T, sinh năm 1937; bà Hà Thị S, sinh năm 1946; ông Hà Văn H2, sinh năm 1947 và bà Hà Thị H, sinh năm 1950.

Cụ bà Lê Thị T4, sinh năm 1914 (chết năm 2001), Cụ Đ và cụ T4 có với nhau 01 người con là ông Hà Văn T2, sinh năm 1956. Ngoài ra, cụ Đ, cụ T4 có một người con nuôi là ông Hà Văn R, sinh năm 1942.

Cụ bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1923 (chết năm 2008). Cụ Đ và cụ M có với nhau 07 người con gồm: bà Hà Thị T3, sinh năm 1950; ông Hà Văn L1 (tức là Hà Minh T5), sinh năm 1953, chết năm 1998 (không có vợ con); ông Hà Văn T1, sinh năm 1956; ông Hà Văn L2, sinh năm 1956, đã chết (không có vợ con); bà Hà Thị H3, sinh năm 1961; bà Hà Thị P, sinh năm 1958; ông Hà Văn H1, sinh năm 1967.

[2]. Năm 1985, cụ Đ và cụ L được Sở nhà đất và công trình công cộng Quảng Nam - Đà Nẵng cấp trích lục Sổ nghiệp chủ nhà ở đối với ngôi nhà tại 104/37 (nay là K206/43) đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng với diện tích xây dựng là 153m² (Từ năm 1986 đến năm 1992 cụ Đ và cụ L có tạo lập được nhiều tài sản là đất và đã tặng cho nhà đất cho các con và chuyển nhượng nhà đất cho nhiều người khác). Đến năm 2001 cụ L làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401050516 ngày 13/3/2001 với diện tích xây dựng 63,7m², diện tích đất ở 153,10m² thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 29 tại K206/43 đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng mang tên cụ Hà Văn Đ (đã chết) và cụ Trần Thị L (BL 171).

[3]. Các đương sự trong vụ án đều thống nhất và không có tranh chấp gì về diện và hàng thừa kế, cũng như tài sản là nhà đất với diện tích xây dựng 63,7m², diện tích đất ở 153,10m² thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 29 tại K206/43 đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng là tài sản đứng tên 02 cụ Đ Và L.

[4]. Xét kháng cáo của ông Hà Văn T1 cho rằng tài sản để lại là của chung giữa cụ Đ và 03 người vợ của cụ Đ là cụ Trần Thị L, Lê Thị T4 cụ Nguyễn Thị M tuy nhiên ông T1 không cung cấp chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình là đúng đắn. Tòa án sơ thẩm đã điều tra xác minh về nguồn gốc nhà đất nêu trên cũng như căn cứ vào quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp cho cụ L và cụ Định, để xác định di sản thừa kế là của cụ L và cụ Định để lại là có căn cứ.

[5]. Xét kháng cáo của ông Hà Văn T1 đề nghị tòa án cấp phúc thẩm không xem xét để chia tài sản là nhà và đất do cha mẹ để lại, và đề nghị giữ nguyên nhà đất nêu trên để làm nơi thờ cúng chung (làm nhà từ đường). Hội đồng xét xử xét thấy:

[6]. Ngày 29/01/1999, cụ L đã lập di chúc để lại $\frac{1}{2}$ ngôi nhà có diện tích $31,85m^2$, $\frac{1}{2}$ diện tích đất là $76,55m^2$ và một phần di sản thừa kế mà cụ L được hưởng từ cụ Đ cho bà Hà Thị T và bà Hà Thị H tại Phòng Công chứng Nhà nước số X thành phố Đà Nẵng.

[7]. Xét thấy tài sản là nhà và đất nêu trên là tài sản chung của cụ Đ và cụ L tạo dựng, do vậy ngày 29/1/1999 cụ L lập di chúc để lại $\frac{1}{2}$ ngôi nhà và $\frac{1}{2}$ diện tích đất nêu trên cho bà Hà thị T và Hà Thị H là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật dân sự về thừa kế tài sản. Di chúc của cụ L lập có người làm chứng và được công chứng chứng thực do vậy án sơ thẩm xác định là di chúc hợp pháp và chia di sản của cụ L theo di chúc là có căn cứ đúng pháp luật.

[8]. Xét thấy; cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định tại chỗ, và chia cho bà H và bà T là nhà đất bằng hiện vật theo di chúc là hoàn toàn phù hợp với thực tế, đảm bảo được giá trị sử dụng của cả 02 bên đương sự, do vậy kháng cáo của ông Hà Văn T1 là không có căn cứ chấp nhận.

Án phí: Ông Hà Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hà Văn T1, giữ nguyên quyết định của bản án số 02/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ: Điều 655 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 645, 652, 653, 658, 667 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T và bà Hà Thị H về việc chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Trần Thị L.

1. Công nhận di chúc lập ngày 29/01/1999 của cụ Trần Thị L được Phòng công chứng nhà nước số X thành phố Đà Nẵng chứng nhận là hợp pháp.

2. Bà Hà Thị T và bà Hà Thị H được hưởng kỹ phần thừa kế theo di chúc của cụ Trần Thị L có giá trị là: 1.254.514.637đ.

3. Giao hiện vật như sau:

Bà Hà Thị T và bà Hà Thị H được nhận thừa kế một phần nhà và đất thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 29, tại K206/43 Đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401050516 được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/3/2001. Cụ thể nhà có cấu trúc tường xây, mái lợp tole, nền gạch men, diện tích xây dựng 34,91m² tọa lạc trên diện tích đất 70,02m². Trị giá nhà và đất là 1.192.185.479đ.

Nhà và đất có tứ cận như sau:

- Đông giáp nhà đất bà Trần Thị Thanh P1 dài 7,95m; 9,44m;
- Tây giáp nhà đất giao cho các đồng thừa kế của cụ Đ dài 10,17m; 5,91m; 1,34m;
- Nam giáp đường kiệt dài 3,02m; 2,15m; 0,11m; 1,1m;
- Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn M1 dài 1,83m; 3,82m;

Như sơ đồ “**SƠ ĐỒ PHÂN CHIA NHÀ ĐẤT**” kèm theo Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

4. Các đồng thừa kế của cụ Hà Văn Đ gồm: Bà Hà Thị T, bà Hà Thị S, ông Hà Văn H2, bà Hà Thị H, ông Hà Văn T2, ông Hà Văn R, bà Hà Thị T3; ông Hà Văn T1, bà Hà Thị H3, bà Hà Thị P, ông Hà Văn H1 được quyền quản lý di sản của cụ Đ là: một phần nhà và đất thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 29, tại K206/43 Đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401050516 được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/3/2001. Cụ thể nhà có cấu trúc tường xây, mái lợp tole, nền gạch men, diện tích xây dựng 28,79m² tọa lạc trên diện tích đất 83,08m². Trị giá nhà và đất là 1.316.843.796đ.

Nhà và đất có tứ cận như sau:

- Đông giáp nhà bà T, bà H nhận thừa kế dài 10,17m; 5,91m; 1,34m;
- Tây giáp đường kiệt dài 10,24m; 5,95m; 1,46m;
- Nam giáp đường kiệt dài 4,37m;
- Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn M1 dài 4,89m;

Như sơ đồ “**SƠ ĐỒ PHÂN CHIA NHÀ ĐẤT**” kèm theo Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

5. Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hà Văn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án mà ông T1 đã nộp theo biên lai thu số 001296 ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành